

Số: 31 /2016/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 30 tháng 12 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc sửa đổi Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của UBND tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 90/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 31/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chức danh, số lượng và mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 685/TTr-SNV ngày 30/12/2016.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ như sau:

**1. Chức danh, số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố**

a) Đối với cấp xã

TT	Chức danh và việc bố trí sắp xếp các chức danh	Số lượng người theo phân loại xã, phường, thị trấn			
		Xã trọng điểm phức tạp	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	Chủ tịch Hội Người cao tuổi		1	1	1
2	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ		1	1	1

3	Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy		1	1	1
4	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ		1	1	1
5	Phó Chủ tịch Hội Nông dân		1	1	1
6	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh		1	1	1
7	Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh		1	1	1
8	Phó Chỉ huy trưởng Quân sự	2	2	1	1
9	Nhân viên Văn phòng Đảng ủy		1	1	1
10	Nhân viên Chăn nuôi thú y		1	1	1
	Phó Trưởng Công an		1	1	1
11	Đối với xã loại 1, loại 2 và xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự thuộc xã loại 3 được bổ trí thêm 01 Phó Trưởng Công an do công chức Tư pháp - Hộ tịch kiêm	1 (Kiêm nhiệm)	1 (Kiêm nhiệm)	1 (Kiêm nhiệm)	0
12	Công an viên thường trực ở xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự (mỗi xã 02 người)	02			
	Công an viên thường trực ở các xã còn lại (mỗi xã 03 người do Công an viên ở thôn kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
13	Trưởng Khối Dân vận (do Bí thư Đảng ủy kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
14	Trưởng Ban Tuyên giáo (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
15	Trưởng Ban Tổ chức Đảng (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
16	Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy (do Phó Chủ tịch HĐND kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
17	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ (do Phó Chủ tịch UBND kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
18	Trưởng Ban Thanh tra nhân dân (do Phó Chủ tịch UBND kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
19	Trưởng Đài truyền thanh (do Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
20	Phó Trưởng Đài truyền thanh (do Nhân viên Văn phòng Đảng ủy kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
21	Ủy viên UBKT Đảng ủy (do Chủ tịch Hội LHPN và Phó Chủ tịch các Hội: Nông dân, Cựu chiến binh kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
22	Nhân viên Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ (do công chức Văn phòng - Thống kê kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
23	Nhân viên Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Trẻ em (do Phó Chủ tịch Hội LHPN kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
24	Nhân viên Đài truyền thanh (do Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
25	Khuyến nông viên (do Nhân viên Chăn nuôi thú y kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm

b) Đối với thôn, tổ dân phố

TT	Chức danh và việc bố trí sắp xếp các chức danh	Số lượng người theo phân loại thôn, tổ dân phố		
		Loại 1	Loại 2	Loại 3
<b>I</b>	<b>Bí thư chi bộ; Trưởng, Phó Trưởng thôn, tổ dân phố; Công an viên; Thôn đội trưởng và Nhân viên y tế thôn</b>			
1	Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố (Bí thư chi bộ bố trí theo thực tế)	1	1	1
2	Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố	1	1	1
3	Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố	2	1	1
4	Công an viên làm việc ở thôn	2	1	1
5	Thôn đội trưởng mỗi thôn có 01 người do Tiểu đội trưởng dân quân tự vệ kiêm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
6	Nhân viên y tế thôn theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg	2	1	1
<b>II</b>	<b>Bảo vệ dân phố theo Nghị định số 38/2006/NĐ-CP (đối với các phường)</b>			
1	Trưởng ban Bảo vệ dân phố	1	1	1
2	Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố	1	1	1
3	Tổ trưởng Bảo vệ dân phố	1	1	1
4	Tổ viên Bảo vệ dân phố	2	2	2

**2. Mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng đối với các chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố**

a) Đối với cấp xã

TT	Chức danh	Mức phụ cấp	
		Mức phụ cấp	Kiểm nhiệm
1	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	0,9	
2	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ	0,8	
3	Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy	1,2	
4	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	0,8	
5	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	0,8	
6	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	0,8	
7	Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	0,8	
8	Phó Chỉ huy trưởng Quân sự	1,3	
9	Nhân viên Văn phòng Đảng ủy	1,1	
10	Nhân viên Chăn nuôi thú y	1,1	
	Phó Trưởng Công an	1,3	
11	Đối với xã loại 1, loại 2 và xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự thuộc xã loại 3 được bố trí thêm 01 Phó Trưởng Công an do công chức Tư pháp - Hộ tịch kiêm	Hưởng lương công chức	Không hưởng phụ cấp kiêm nhiệm
12	Công an viên thường trực ở xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự	1,1	

	Công an viên thường trực ở các xã còn lại ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0,3
13	Trưởng Khối Dân vận ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0,3
14	Trưởng Ban Tuyên giáo ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0,3
15	Trưởng Ban Tổ chức Đảng ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0,3
16	Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0,3
17	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0,3
18	Trưởng Ban Thanh tra nhân dân ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0,3
19	Trưởng Đài truyền thanh ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0,3
20	Phó Trưởng Đài truyền thanh ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0,3
21	Ủy viên UBKT Đảng ủy ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0,3
22	Nhân viên Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0,3
23	Nhân viên Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Trẻ em ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0,3
24	Nhân viên Đài truyền thanh ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0,3
25	Khuyến nông viên ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0,3

b) Đối với thôn, tổ dân phố

TT	Chức danh	Mức phụ cấp	
		Mức phụ cấp	Phụ cấp kiêm nhiệm
<b>1</b>	<b>Bí thư chi bộ; Trưởng, Phó Trưởng thôn, tổ dân phố; Công an viên; Thôn đội trưởng; Nhân viên y tế thôn</b>		
1.1	Bí thư chi bộ: - Đối với thôn, tổ dân phố loại 1 - Đối với thôn, tổ dân phố loại 2 - Đối với thôn, tổ dân phố loại 3 - Đối với thôn, tổ dân phố có nhiều chi bộ	1,3 1,2 1,1 1,0	
1.2	Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố: - Đối với thôn, tổ dân phố loại 1 - Đối với thôn, tổ dân phố loại 2 - Đối với thôn, tổ dân phố loại 3	1,3 1,2 1,1	
1.3	Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố	1,0	
1.4	Công an viên làm việc ở thôn	0,9	
1.5	Thôn đội trưởng mỗi thôn có 01 người ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0,3
1.6	Nhân viên y tế thôn theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg	0,3	
<b>2</b>	<b>Bảo vệ dân phố theo Nghị định số 38/2006/NĐ-CP (đối với các phường)</b>		
2.1	Trưởng ban Bảo vệ dân phố	0,7	
2.2	Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố	0,6	
2.3	Tổ trưởng Bảo vệ dân phố	0,55	
2.4	Tổ viên Bảo vệ dân phố	0,5	

c) Phụ cấp kiêm nhiệm

- Khuyến khích cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố thực hiện kiêm nhiệm chức danh những

người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố ngoài các chức danh quy định tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định này;

- Cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố được bố trí kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm hệ số 0,3 mức lương cơ sở cho mỗi chức danh kiêm nhiệm.

#### 4. Những quy định khác

a) Đối với các chức danh bầu chưa hết nhiệm kỳ thì tiếp tục thực hiện nhiệm vụ và hưởng nguyên mức phụ cấp cho đến hết nhiệm kỳ theo quy định tại Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Từ nhiệm kỳ tiếp theo bố trí theo quy định tại Quyết định này.

b) Đối với các xã, phường, thị trấn có Phó các đoàn thể không là đảng viên và các phường của thành phố Hưng Yên không có Hội Nông dân thì bố trí trưởng các đoàn thể kiêm Ủy viên Ủy ban kiểm tra Đảng ủy.

c) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./*rlv*

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, CVNC<sup>NH</sup>.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phóng